

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 916/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022.
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “ Tranh chấp Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1984 (có mặt).
Địa chỉ: Số 05, Đường số 715, Tổ 2, ấp Trung Bình, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức T, sinh năm: 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 05, Đường số 715, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà cùng ông Huỳnh Đức T là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 13, quyển số 01/003, ngày 10/3/2003. Thời gian đầu cuộc

sống gia đình hạnh phúc nhưng về sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên gây gổ, cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay bà không còn tình cảm, yêu thương ông T nữa nên không thể tiếp tục chung sống. Bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung có 02 trẻ: 01 con chung chưa trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 12/8/2005 và 01 con chung đã trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 25/8/2003. Bà yêu cầu được nuôi 01 con chung chưa trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo V, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

* Bị đơn ông Huỳnh Đức T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Đức T là “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”. Bị đơn trong vụ án là ông Huỳnh Đức T hiện cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Huỳnh Đức T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 13, quyển 01/003, ngày 07/8/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T trình bày đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi vã, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết và không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ gia đình với bà T nên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu xin ly hôn với bà T là chính đáng. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T.

[4] Về con chung có 02 con: 01 con chung chưa trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 12/8/2005 và 01 con chung đã trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 25/8/2003.

Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ N hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xét. Trẻ V hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông T đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến muốn nuôi con. Do đó, để ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà T tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T là được ly hôn với ông Huỳnh Đức T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 13, quyển số 01/003, ngày 07/8/2003 của UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung có 02 trẻ: 01 con chung chưa trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 12/8/2005 và 01 con chung đã trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo N, sinh ngày 25/8/2003.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi 01 con chung chưa trưởng thành tên Huỳnh Thị Thảo V. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0043976 ngày 02/3/2022 của Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Củ Chi. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- UBND xã T, H.Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi Cục THADS h.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

